

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tư.

Ông Nguyễn Tấn Rón.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị S - Sinh năm 1967 - Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20-5-2022).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn D - Sinh năm 1969 - Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25-5-2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23-12-2021, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là bà Lê Thị S trình bày và yêu cầu: bà S và ông Trần Văn D cưới nhau năm 2010, đăng ký kết hôn ngày 24-8-2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện Đ, tỉnh L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do ông D thường xuyên uống rượu và có hành vi ngược đãi bà S. Bà S và ông D đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay. Về hôn nhân: bà S yêu cầu ly hôn với ông D. Về con

chung: có 01 con chung tên Trần Khánh H (sinh ngày 19-8-2011). Hiện con chung đang sống với bà S. Bà S yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không có nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Tại bản tự khai ngày 28-4-2022 và các văn bản tiếp theo, ông Trần Văn D đồng ý phần trình bày của bà S về điều kiện kết hôn, thời gian sống ly thân, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông D cho rằng vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày. Ông D không đồng ý ly hôn, ông D yêu cầu đoàn tụ. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông D yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: mâu thuẫn giữa bà S và ông D đã trầm trọng, không có cơ hội đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Lê Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Văn D. Ông D cư trú tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà S và ông D đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà S, đồng thời xét yêu cầu đoàn tụ của ông D: bà S và ông D xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 24-8-2012 tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông D là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Bà S cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do ông D thường xuyên uống rượu và có hành vi ngược đãi bà S là có cơ sở vì phù hợp với biên bản xác minh ngày 26-4-2022. Ngược lại ông D cho rằng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày là không có cơ sở chấp nhận. Bà S và ông D đã sống riêng từ tháng 6 năm 2021 đến nay, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, bỏ mặc người kia muốn sống ra sao thì sống. Xét mâu thuẫn giữa bà S và ông D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà S có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngược lại yêu cầu đoàn tụ của ông D không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về con chung: có 01 con chung tên Trần Khánh H (sinh ngày 19-8-2011). Hiện con chung đang sống với bà S thì giao bà S trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự

ổn định và phát triển cho cháu H. Bà S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là quyền tự định đoạt của bà S nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà S và ông D đều cho rằng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về tài sản và nợ trong vụ án này. Nếu sau này giữa bà S và ông D có phát sinh tranh chấp về tài sản hoặc về nợ thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6]. Với những nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà S là có cơ sở chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà S là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà S đã nộp. Ông D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S đối với ông Trần Văn D về việc “ly hôn”;

Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị S được ly hôn với ông Trần Văn D.

Về nuôi con chung: Lê Thị S được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trần Khánh H (sinh ngày 19-8-2011). Hiện con chung đang sống với bà S. Ghi nhận việc bà S không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà S và ông D được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005071 ngày 30-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa Nam (*ghi số hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Bích Liên